

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **204/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/9/2018

V/v “Chia tài sản chung sau ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Triều**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Văn Cường**.

Ông **Trần Thanh Tùng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Dung** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 537/2017/HNGĐ-ST ngày 21/7/2017 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Ngọc E**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp ML, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Ngô Thị T**, sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. **Lê Văn T**, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp M, xã M1, huyện C, Tiền Giang.

3.3. **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp M, xã M1, huyện C, Tiền Giang.

3.4. **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp M, xã M1, huyện C, Tiền Giang.

3.5. **Lê Thị Ngọc M**, sinh năm 1978. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, Tiền Giang.

3.6. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1940. (Có mặt)

3.8. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1948. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Ngọc E trình bày: Ông và bà L trước đây là quan hệ vợ chồng, do bất đồng quan điểm nên ông bà đã ly hôn, khi ly hôn ông bà đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề tình cảm và con chung, riêng về phần tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai và đã được Tòa án ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông và vợ ông.

Như vậy trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tài sản chung là thửa đất số 1524, tờ bản đồ TTRC5, diện tích 58m², loại đất ONT và một căn nhà tường gắn liền với phần đất trên do bà L đứng tên tọa lạc tại ấp ML, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền giang (hiện bà L đang sử dụng).

Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật ông bà có tiến hành thỏa thuận phân chia tài sản chung nhiều lần nhưng đến nay bà L vẫn không đồng ý, do đó quyền lợi của ông bị xâm phạm.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng, ông yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất trên và xin nhận bằng giá trị, theo biên bản định giá ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng định giá thì giá trị phần đất theo giá thị trường là 900.000đồng/m² thì tổng diện tích 58m² x 900.000đồng = 52.200.000đồng, còn giá trị căn nhà theo hội đồng định giá là 189.571.200đồng cho nên tổng số tiền nhà và đất là 241.771.000đồng. Ông đồng ý với mức giá của Hội đồng định giá. Nay ông yêu cầu chia đôi số tài sản trên

ông xin nhận nhà và đất và chấp nhận hoàn lại 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng cho bà L là 120.885.000đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Lê Ngọc E trước đây là quan hệ vợ chồng do bất đồng quan điểm nên đã ly hôn, khi ly hôn về vấn đề tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông E có tài sản chung gồm thửa đất số 1524, tờ bản đồ TTRC5, diện tích 58m², loại đất ONT do bà đứng tên, đất tọa lạc tại ấp ML, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Nay ông Lê Ngọc E yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất nêu trên bà đồng ý và theo biên bản định giá của Hội đồng định giá bà đồng ý với kết quả định giá trên, bà chấp nhận giao nhà và đất cho ông Lê Ngọc E và xin nhận 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng mà ông E giao lại là 120.885.000đồng. Nhưng hiện nay bà có nợ một số người gồm: Ngô Thị T số tiền 82.000.000đồng; Lê Văn T số tiền 60.160.000 đồng; Nguyễn Thị V số tiền 110.000.000 đồng; Nguyễn Thị T1 số tiền 50.000.000 đồng; Lê Thị Ngọc M số tiền 210.000.000 đồng; Nguyễn Văn L số tiền 100.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24Kr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Ngô Thị T trình bày: Bà không đồng ý việc ông E, bà L chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, vì đây là tài sản riêng của bà L, ông E bà L thỏa thuận chia tài sản chung mục đích là để tẩu tán tài sản, trốn tránh việc thi hành án, bà yêu cầu thanh lý nhà và đất để trả tiền nợ hui cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà Tám.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà Tám.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà Tám.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Chị đồng ý đây là tài sản chung của vợ chồng ông E, bà L chị chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số nợ hui cho chị theo bản án trước đây.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Anh đồng ý đây là tài sản chung của vợ chồng ông E, bà L anh chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số nợ hui cho anh theo bản án trước đây.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P trình bày: Thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Ngọc E và bà Nguyễn Thị L, ông bà đã sống trong căn nhà này hơn 10 năm nay, trong thời gian ở và quản lý ông bà không có sửa chữa gì trong căn nhà này. Nay ông E bà L khởi kiện yêu cầu chia ông bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phụ đây là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Ngọc E và bà Nguyễn Thị L, ông bà đã sống trong căn nhà này hơn 10 năm nay, trong thời gian ở và quản lý ông bà không có sửa chữa gì trong căn nhà này. Nay ông E bà L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn ông và bà không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Lê Ngọc May, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị C đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt và cũng đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Ngọc E khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với bà Nguyễn Thị L, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”.

[3] Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của ông E, bà L trước đây ông bà là vợ chồng, do bất đồng quan điểm nên ông bà đã ly hôn với nhau và được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 341/2016/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2016, về tài sản chung tuy ông bà có kê khai, nhưng ông bà xin được tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không thỏa thuận được nên ông Lê Ngọc E khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và bà Nguyễn Thị L trong quá trình hòa giải bà cũng chấp nhận theo yêu cầu của ông E.

Theo biên bản định giá ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng định giá thì giá trị phần đất theo giá thị trường là 900.000đồng/m² thì tổng diện tích 58m² x 900.000đồng = 52.200.000đồng, còn giá trị căn nhà theo hội đồng định giá là 189.571.200đồng, cho nên tổng số tiền nhà và đất là 241.771.000đồng. và bà L

đồng ý với mức giá của Hội đồng định giá. Nay ông yêu cầu chia đôi số tài sản trên, ông xin nhận nhà và đất và chấp nhận hoàn lại 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng cho bà L là 120.885.000đồng. Tại phiên tòa bà L cũng chấp nhận giao nhà và đất cho ông E và nhận 50% giá trị tài sản là 120.885.000đồng.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ thể Ngô Thị T, Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T1, Lê Ngọc May, Nguyễn Văn L, Lê Văn P bà Nguyễn Thị C là các hội viên đã khởi kiện bà Nguyễn Thị L ra Tòa án huyện Cái Bè về việc tranh chấp hợp đồng góp hội và đã có quyết định của Tòa án về việc buộc bà L trả lại số tiền hội cho các hội viên trên. Riêng về việc khởi kiện của ông E bà L về vấn đề chia tài sản chung sau khi ly hôn bà Ngô Thị T, Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T1 không chấp nhận đây là khối tài sản chung của vợ chồng ông Lê Ngọc E và bà Nguyễn Thị L trong thời kỳ hôn nhân, cho rằng đây là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L vì bà L tổ chức chơi hội và tuyên bố bề hội để lấy tiền mua đất và cất căn nhà này, các đương sự cho rằng nếu chia khối tài sản trên sẽ ảnh hưởng đến việc thanh lý hóa giá tài sản ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Xét thấy trong quá trình xét xử vụ án các đương sự Ngô Thị T, Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và yêu cầu lấy những lời khai của các nhân chứng do các đương sự này cung cấp. Các nhân chứng này cho rằng biết bà L có làm chủ hội và các nhân chứng này có tham gia chơi hội chung, nhưng còn việc dùng tiền mua nhà hay đất như thế nào các đương sự này hoàn toàn không biết và tại văn bản của phòng tài nguyên và môi trường cũng xác định không có cơ sở đây là tài sản riêng của bà L nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của Ngô Thị T, Lê Văn T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T1.

Đối với ông Lê Văn P bà Nguyễn Thị C: là người đang ở quản lý đất và căn nhà trên, ông bà đã sống trong căn nhà này hơn 10 năm nay, trong thời gian sinh sống và quản lý ông bà không có sửa chữa gì trong căn nhà này. Nay ông E, bà L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn ông và bà không có ý kiến gì về việc chia đất và căn nhà trên nên Hội đồng không xem xét đến.

[4] Về án phí: Ông E, bà L phải chịu án phí chia tài sản sau khi ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 38 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc E.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Lê Ngọc E và bà Nguyễn Thị L như sau: Ông Lê Ngọc E được sở hữu quản lý phần đất có diện tích 58m², loại đất ONT và một căn nhà tường một trệt một lầu gắn liền với phần diện tích đất 58m² do bà L đứng tên tọa lạc tại ấp ML, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (hiện ông Phụ, bà Chà đang sử dụng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Ngọc E hoàn lại lại 50% giá trị căn nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng cho bà Nguyễn Thị L là 120.885.000đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Ngọc E chậm thi hành số tiền trên thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

+ Ông Lê Ngọc E phải chịu 6.044.000 đồng án phí chia tài sản sau ly hôn, ông Lê Ngọc E đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 5.300.000 đồng theo các biên lai thu số 07240 ngày 21 tháng 7 năm 2017 và biên lai thu số 09277 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C sau khi được cản trừ ông Lê Ngọc E còn phải nộp tiếp 744.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.044.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Triều